



*Mấy lời giới thiệu màn ngâm thơ Kiều
với giọng ngâm Lê Ba*

Hoàng Trường Thiện

榮

榮

Một lời giới thiệu màn ngâm thơ Kiều với giọng ngâm Lê Ba

Hoàng Trường Thiện

Kính thưa Quý Vị,
Kính thưa Quý Bạn,

Cách đây ít lâu, Chị Phương Thảo, trưởng Hội Dược Aphavina, nhân dịp sắp tới ngày Văn hoá của hội, ngỏ ý muốn nhờ tôi giới thiệu với khán giả một buổi diễn trình đặc biệt về *Ngâm Thơ Kiều*. Tôi do dự, không dám nhận lời vì nói về Kiều thì cần phải biết nhiều về thi hào Nguyễn Du mà trong cù tọa chắc chắn sẽ có nhiều vị am hiểu chủ đề này hơn mình, cho nên tôi tự hỏi *đánh trống qua cửa nhà sầm* có phải là một hành động đáng làm chăng ?

Tôi bèn ngỏ nỗi ưu tư đó với chị hội trưởng, nhưng chị dịu dàng trấn an tôi :

*Lo gì chuyện ấy mà lo,
Trong ngoài bạn cả, đắn đo chi phiền !*

Nhờ ở lòng tín nhiệm của chị và trông mong ở sự rộng lượng của quý vị mà bùa nay tôi dám cả gan múa rìu qua mắt thợ, có đôi lời trình bày cùng các bạn về đề tài

LIÊN QUAN GIỮA LÀM THƠ VÀ NGÂM THƠ VIỆT NAM

Các bậc phụ mẫu chúng ta thường dạy con trai ‘*Đàn ông biết đánh tổ tôm, Uống trà mạn hảo,, ngâm nôm* Thúy Kiều’ và riêng cho con gái, các cụ cẩn dặn ‘*Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều*’ !

Ngâm Kiều là một lối tiêu khiển hào hoa phong nhã dành cho đàn ông, còn các bà, các cô thì chớ có đụng vào Kiều bất cứ dưới một hình thức nào mà bị mang bắc mệnh vào người ! Nhưng từ trên một thế kỷ nay, với sức truyền bá mạnh mẽ của *quốc ngữ* thay cho chữ nôm, với Truyện Kiều được đưa vào chương trình giáo khoa thì *ngâm Kiều* dần dần không còn bị cấm đoán nữa.

Vậy *ngâm* là gì ? Ngâm không phải là nói chuyện, kể chuyện vì người *nói* hay *kể* phát âm tương đối đều đẽo, thỉnh thoảng có ngắt đoạn . Ngâm cũng không phải là *hát* theo nghĩa thời nay, tức là phải theo *điệu nhạc*, theo *nốt nhạc* một cách chặt chẽ.

Ta có thể định nghĩa vắn tắt : *ngâm* là phát âm một cách đặc biệt thành từng cụm câu, cụm chữ, có lúc lên bổng, có lúc xuống trầm, có dư âm lúc ngắn lúc dài không nhất định khi chuyển từ cụm trước tới cụm sau, từ vần trước tới vần sau.

Tại sao người ta lại thích ngâm ? Thi sĩ sáng tạo ra một bài thơ, đọc nó lên không đủ, phải ử ử ngâm nó lên nhẹ nhè xem thanh âm có lọt tai không, có cần sửa đổi câu nào chữ nào chăng, để tự phê bình xem giữa lời lẽ thơ và âm thanh thơ có gì trực trặc không trước khi đọc cho người khác nghe. Về phần người đọc thơ, khi thấy thơ hay, không thể cầm lòng không ngâm, vì thơ hay, nếu được một giọng hay ngâm lên thì lời thơ sẽ bóng bẩy và hấp dẫn gấp bội, không khác gì một người đàn bà đã đẹp tự nhiên rồi mà lại còn được tô son điểm thêm nữa !

Ngâm thơ vì vậy đã trở thành một nghệ thuật rất độc đáo và người ngâm thơ từ lâu đã thành một nghệ sĩ thực thụ trong vườn thơ việt nam. Ngâm thơ tuy không cần qui luật chặt chẽ , song người ngâm phải hiểu thấu ý nghĩa của bài thơ và tâm trạng của người làm thơ thì giọng ngâm mới làm rung động được trái tim người nghe. Tựu trung, thơ có đẹp thì ngâm mới hay và một giọng ngâm được điêu luyện là nhờ người nghệ sĩ đặt hết tâm hồn mình vào trong.

Nhưng ta không quên là bên cạnh những thi phẩm hay và những nghệ sĩ có tài, ta còn có cả một rừng thơ dân gian và biết bao nhiêu giọng ngâm, giọng hát đồng quê đã làm cho thơ truyền khẩu là cỗi nguồn của nền văn hoá nước ta. Nhưng đây là một đề tài quá rộng đi ra ngoài khuôn khổ buổi văn nghệ hôm nay, nên tôi xin quay lại thi phẩm Kiều và những đặc thù của bút pháp Nguyễn Du đã làm cho toàn thể dân ta thích đọc và thích lẩy Kiều, ngâm Kiều.

Trước hết, truyện Kiều được viết theo *thể lục-bát* là một thể thơ hoàn toàn Việt nam. Đơn vị của thể là hai câu, câu trên sáu chữ có 1 cước vận (vần châm), câu dưới tám chữ có 1 yêu vận (vần lưng) và 1 cước vận. Ngắn dài không hạn chế, một đơn vị gồm hai câu có thể là một bài thơ lục bát ngắn nhất, cũng như truyện dài Kiều với 3254 câu (1627 đơn vị) cũng là một bài thơ dài . Vì giàu vần – 2 câu mà có tới 3 vần, trong khi thơ Đường thể tú tuyệt chẳng hạn, cứ 4 câu mới có được 3 vần – nên thơ lục bát rất uyển chuyển, dễ đọc và dễ ngâm. Hơn nữa, các vần trong Kiều đều là vần bằng, thiên về âm trầm mà âm này thuộc tần số thấp (basse fréquence) nên mỗi khi người ngâm buông giọng nghe rất mìù. Âm này còn vọng đi thật xa nữa : thi sĩ Đặng Trần Côn há đã chẳng nghe thấy tiếng trống trận vang lên tận cung trăng (*Trống Trường Thành lung lay bóng nguyệt*) ? Kỹ thuật thăm dò dầu lửa bằng địa chấn thời nay cũng sử dụng nhiều tần số thấp để đi thật sâu vào lòng đất, vậy thì lấy âm bằng, trầm để đi sâu vào lòng người đâu có phải là chuyện vô lý ?

Thơ đẹp là nhờ có tú tho hay và bút pháp giỏi của thi sĩ. Hai yếu tố đó, ta thấy khắp nơi trong thi phẩm Kiều. Nhiều từ ngữ, nhiều ca dao tục ngữ, nhiều điển tích đã được nhà thơ Nguyễn Du sử dụng có phương pháp và thật tài tình.

Trong thể lục bát, những hữ từ như *là, mà, chi, gì, thì, sao, nào, đâu, cũng*...rất nhiều. Hữ từ được dùng để giúp thi sĩ thả vần dễ dãi, nhưng lại làm cho câu thơ kém óng á, dễ ngả thành vè như ta thường thấy trong một phần đông ca dao. Cây bút Tiên Điện cũng dùng nhiều hữ từ, nhưng khéo ở chỗ là câu thơ vẫn đẹp chứ không biến thành vè . Ví dụ :

*Đã không biết sống là vui
Tâm thân nào biết thiệt thòi là thương* (câu 2613-14)

*Cánh nào cánh chẳng đeo sâu
Người buồn cánh có vui đâu bao giờ!* (câu 1243-44)

Ở ăn thì nét cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già (câu 1533-34)

Hai câu dưới tả tính nét Hoạn Thư, chữ *thì* và chữ *cũng* không những không làm lời thơ kém đẹp, mà còn chuyển ý khen thành ý chê mỉa mai một cách thần diệu ! Nguyễn Du còn sở trường ở lối câu trúc đơn vị lục bát trong kỹ thuật ngắt câu, đặt vế, kén chọn tiêu đối. Ta hãy thử coi những đoạn thơ sau :

*Trước lâu Ngung Bích khoá xuân
Vé non xa /bóng trăng gần/ở chung
Bốn bè bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nõ,/ bụi hồng đậm kia
Bẽ bàng/ mây sớm/dèn khuaya
Nửa tình/ nửa cảnh/ như chia tấm lòng* (câu 1034-38)

Ngắt khác nhau, lúc 2, lúc 3, lúc 4 ở mỗi vế, sử dụng nhiều tiêu đối, người ngâm cũng như người đọc đều cảm thấy lời thơ đầy âm điệu, trữ cảnh, trữ tình. Những ai thích ngâm sa mạc hẳn sẽ sung sướng khi được ngắt câu trong đơn vị này :

*Trông vời gạt lệ/ phân tay
Góc trời/thăm thăm/ngày ngày/đầm đầm* (câu 909-10)

Nhờ cách sử dụng song ngữ láy như trên mà câu thơ trở nên nhịp nhàng. Cũng như điệp ngữ đượm màu dân ca :

*Còn non,còn nước, còn dài,
Còn về, còn nhớ đến người hôm nay* (câu 557-58)

Thi sĩ Tản Đà, trong bài ‘*Thè non nước*’ hẳn đã bị ảnh hưởng sâu đậm của hai câu Kiều trên đây !

Một đặc thù căn bản nữa trong văn thơ Kiều là Nguyễn Du tiên sinh đã dùng nhiều điển tích trong cổ thi Tàu. Nhưng mục đích của Cụ không phải là kop nhặt theo nghĩa ‘piratage’. Cụ chỉ cần mượn nội dung của điển tích để nói lên những điều uẩn trong đáy lòng mình qua thân thế nàng Kiều, vì trong xã hội phong kiến, nhất là trong triều Gia Long, ăn ngay nói thẳng dễ mất đầu như chơi ! Cái án Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt còn sờ sờ ra đó. ‘*Bó thân về với triều đình, Hàng thán lơ láo phận mình ra đâu*’, nếu Cụ không đặt câu đó vào miệng Từ Hải trong một câu chuyện xảy ra bên Trung Quốc thì đời Cụ đã ra mây khói rồi !

Nhưng cái đáng phục nhất là thơ dịch của Cụ rất cô đọng, rất dễ hiểu, rất việt nam và dĩ nhiên, rất thoát đạt. Hay không kém, có khi còn hay hơn thơ Tàu. Ví dụ hai câu :

*Sông Tương một dải nông sò
Bên trông đầu nõ, bên chờ cuối kia* (câu 365-66)

được dịch từ bài *Tương tư* của Lương Ý Nương : ‘*Quân tại Tương giang đầu, Thiếp tại Tương giang vĩ, Tương tư bất tương kiến, Đồng ẩm Tương giang thuỷ*’.

Cô đọng : chỉ có hai câu lục bát mà cũng đủ cả : một dòng sông, hay đúng hơn, một khúc sông có đầu có cuối. Nhưng chữ *bên* của dịch giả có hai nghĩa : bên trai bên gái và bên này sông, bên kia sông. *Trông chờ* tức là nhớ nhau nhưng không nhìn thấy

nhau. Nhờ Nguyễn Du mà đôi trai gái mới phải lòng nhau này chẳng cần uống nước cùng dòng cho đỡ nhớ nhau, vì khúc sông chia cách họ ‘nồng sờ’, lội sang để gặp nhau cũng dễ dàng như băng qua mảnh vườn giữa thư phòng chàng Kim và gia trang Vương viên ngoại !

Đọc Kiều đến câu này, ta không khỏi nghĩ đến hai câu tuyệt tác cũng để tả nỗi tương tư, nhưng không qua một điển tích nào :

*Vầng trăng ai sẽ làm đôi
Nửa in gói chiếc, nửa soi dặm trường (câu 1525-26)*

Sông Tương trên đây chỉ là tượng trưng cho tương tư, thi sĩ bất chấp nó có thực hay không. Cũng như khi Cụ tả con người hùng Từ Hải :

*Một tay gây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành (câu 2465-66)*

Mở bản đồ Trung Hoa thời Chiết Quốc ra coi, ta sẽ thấy nước Sở tuy rất lớn nhưng không có một thước bờ biển nào cả, và nước Ngô nhỏ sít cũng không có con sông lớn nào chảy qua !

Kính thưa Quý Vị,

Nếu sự chính xác của điển tích không thật cần thiết lắm cho giá trị một thi phẩm, thì sự chính xác về bút hiệu của một thi sĩ rất đáng quan tâm, nhất là khi người thi sĩ đó mang tên Nguyễn Du. Tôi muốn nói đến hai chữ Tố Nhu, viết hoa, mà từ trên một thế kỷ nay, người ta đã gán cho nhà đại thi hào như tên tự của Cụ.

Thật ra, cho đến tận những năm gần đây, không hề có một sự kiện khách quan nào đáng tin cậy chứng minh cho khẳng định đó.

Người ta đồn rằng trước khi lâm chung, Cụ Nguyễn Du có trói trăn bằng hai câu thơ chữ Hán :

*Bát tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Nhu !*

nghĩa là : ba trăm năm nữa về sau này, liệu có còn ai khóc Tố Nhu !

Về bút tích, Cụ có để lại hai tập thơ chữ Hán ghi là Thanh Hiên thi tập 1 và thi tập 2.

Vậy bút hiệu Cụ là Thanh Hiên, theo một truyền thống gia đình, như Nghị Hiên (bút hiệu Nguyễn Nghiêm, thân sinh Cụ) hay Quế Hiên (bút hiệu Nguyễn Nễ, em cùng bố khác mẹ Cụ). Không có thi phẩm nào được ghi tác giả Tố Nhu, trừ một bài thất ngôn bát cú chữ Hán nhan đề Độc Tiểu Thanh Ký, bài cuối cùng trong Thanh Hiên thi tập 1 mà hai câu trên là hai câu kết. Nhà học giả Đào Duy Anh phát giác ra sự kiện này từ năm 1943. Theo cụ Đào, Nguyễn Du làm bài thơ này năm 1803, lúc mới 38 tuổi. Cố giáo sư Hoàng Xuân Hãn, đầu thập niên 80 thế kỷ vừa qua và trong phạm vi sưu tầm thi phẩm nữ sĩ Hồ Xuân Hương (người đồng thời với Nguyễn Du) cũng đã xác định sự kiện văn học này.

Như vậy, giả thuyết hai câu thơ ‘tuyệt mệnh’ riêng rẽ kia không còn đứng vững vì chúng là hai câu kết bài thơ do Nguyễn Du viết để than văn thân phận một thiêub phu

trẻ, tên Tiểu Thanh, tài hoa nhưng mệnh bạc. *Khắp tổ như* đây là khóc người đẹp, như thế mới ăn khớp với ý nghĩa những câu khác trong bài thơ, chử chàng thi sĩ 38 tuổi, chưa nổi tiếng như về sau này, đâu đã cần ai thương tiếc cho tới cả mấy trăm năm ! Theo thiển ý, lý do ngộ nhận văn chương này có thể là rất dán dí : **chữ viết hán nôm không có chữ hoa** nên khi phiên âm không phân biệt được tên người và danh từ chung (nom propre et nom commun). Rồi chỉ cần một vài người bịa đặt hoặc biên chép không xác thực xướng lên là tất cả đều theo, nhất là khi phiên âm chữ nôm ra quốc-ngữ. Hiện tượng này không hiếm trong làng văn và thi đàn, cũng như trong chính trường và thị trường từ xưa tới nay.

Nguyễn tiên sinh tuy xuất chúng về văn thơ nhưng lại rất khiêm nhượng về tính tình (*Có tài mà cay chi tài...*), chúng ta không thể nghĩ rằng Cụ đã viết lên những lời tự tôn tự đại như người ta đã gán cho Cụ được.

Vậy hậu sinh chúng ta, vì tôn kính đại thi hào Nguyễn Du và cũng vì có nhiệt tâm tìm hiểu sự thật trong lịch sử văn hoá, chúng ta hãy đừng ngần ngại vứt bỏ tên hoa khi viết hai chữ *tổ như* để cho người đẹp yên ổn trở về với nữ giới chứ trong nam giới tôi chắc chẳng có ai lấy tên như vậy !

Để có một ý niệm rõ ràng hơn, tôi xin quý vị hãy đọc bài thơ hán văn ‘*Độc Tiểu Thanh Ký*’ của Nguyễn Du, tự Thanh Hiên :

*Tây Hồ hoa uyển tận thành khu
Độc điếu song tiên nhất chỉ thư
Chi phấn hữu thần liên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
Cỏ kim hận sự thiên nan ván
Phong vận kỳ oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khắp tổ như*

78. 讀小青記

西湖花苑盡成墟	獨吊窗前一紙書
脂粉有神憐死後	文章無命累焚餘
古今恨事天難問	風韻奇冤我自居
不知三百餘年後	天下何人泣素如

Ta nhận thấy hai câu cuối làm bài thơ này trở nên thát niêm, song có thể đó chỉ là một cố ý của tác giả, vì có nhiều trường hợp người thi sĩ tự cho phép mình *xuất luật* ra ngoài vòng phong tỏa của lề lối để nhấn mạnh một ý thơ nào đó. Tôi xin phóng dịch bốn câu thơ cuối như sau :

*Xưa nay khó hỏi trời cao
Vận oan sao khéo mắc vào mỹ nhân
Ba trăm năm nữa trên trần
Biết ai còn khóc cho thân phận nàng*

Kính thưa Quý Vị,

Tôi đã hân hạnh được giới thiệu sơ lược cùng quý vị con người và tài nghệ nhà thơ Nguyễn Du qua một phần nhỏ của thi phẩm Kiều. Nay giờ tôi lấy làm hân hoan được giới thiệu cùng quý vị một nghệ sĩ có tên tuổi về ngâm thơ, đặc biệt là ngâm thơ Kiều, chị Tôn Nữ Lê Ba, đã từ Canada sang để thân mật ra mắt chúng ta. Giọng ngâm Lê Ba rất là độc đáo từ âm thanh đến nghệ thuật, ai đã có ‘diễn phúc’ nghe một lần rồi sẽ không bao giờ quên được.

Tưởng giới thiệu chị là việc dễ, ai ngờ khó, vì Lê Ba yêu cầu tôi đừng nói gì về nàng, trừ một câu ngắn ngủi : 'Lê Ba xin được tri âm Kiều và tri ân Nguyễn Du'. Tôi hiểu. Lời chị ngắn nhưng tình chị dài. Khi ngâm Kiều với tất cả tâm hồn nghệ sĩ như chị, thì Lê Ba không còn là Lê Ba nữa. Chị là Thúy Kiều, là Kim Trọng, là Hoạn Thư, là Thúc Sinh, là Từ Hải trong lời ăn tiếng nói, trong làn da thịt, từ kẽ tóc chân tơ đến nụ cười khoé mắt. Đó, *tri âm* của Lê Ba với thơ Kiều, với nhân vật Kiều là vậy. Còn như *tri ân* Nguyễn Du thì Lê Ba ơi, chúng tôi không để cho chị độc quyền ! Tất cả chúng ta đây, cũng như toàn thể con dân trong ngoài đất Việt, ai ai cũng là người chịu ơn Nguyễn Du cả. Và tôi tin rằng :

*Trăm nghìn năm nữa về sau
Còn người dân Việt, còn câu Truyện Kiều*

Xin cảm ơn Quý Vị và Các Bạn.

Journée Culturelle de l'APHAVINA
Paris, le 9 Novembre 2008

*Thân mến Tốp
Lan - Đạt **
deaux, Août 2009

** Tô Ái Nữ Hằng*

Chân

